

Số: 28 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cạnh tranh
đến năm 2030”**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

Căn cứ Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Cạnh tranh;

Căn cứ Quyết định số 3756/QĐ-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cạnh tranh đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là “Đề án”) với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quan điểm

- Thực thi pháp luật cạnh tranh là một trụ cột quan trọng trong kiến tạo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Việc nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cạnh tranh phải được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và lâu dài của cả hệ thống chính trị, đảm bảo sự vận hành đúng đắn của cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Bảo đảm sự nhất quán, đồng bộ giữa pháp luật cạnh tranh với pháp luật chuyên ngành và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên,

đặc biệt trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và sự xuất hiện ngày càng nhiều thực tiễn cạnh tranh phức tạp, đa dạng. Việc thực thi pháp luật cạnh tranh cần thích ứng linh hoạt với các mô hình kinh doanh mới, xu hướng số hóa và chuyển đổi xanh của nền kinh tế. Tiếp thu có chọn lọc các xu hướng thực thi pháp luật cạnh tranh trên thế giới, điều chỉnh để phù hợp với điều kiện trong nước.

- Lấy doanh nghiệp và người tiêu dùng làm trung tâm trong quá trình thực thi pháp luật cạnh tranh, đảm bảo quyền được cạnh tranh công bằng của doanh nghiệp và quyền lựa chọn của người tiêu dùng. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, thiết lập khung pháp lý rõ ràng, minh bạch, đồng thời tăng cường giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Gắn thực thi pháp luật cạnh tranh với thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh phân công, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan trong hệ thống thực thi pháp luật cạnh tranh, từ trung ương đến địa phương, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình. Phát huy vai trò của tổ chức xã hội – nghề nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp và xã hội trong giám sát và bảo đảm minh bạch thị trường. Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, báo chí và người dân trong giám sát thực thi pháp luật cạnh tranh nhằm bảo đảm tính khách quan, công bằng và minh bạch.

- Đề cao phương pháp tiếp cận thực thi pháp luật cạnh tranh dựa trên tính hiệu quả, phòng ngừa, chủ động, thay vì chỉ xử phạt thụ động. Phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu và hiện đại hóa công cụ, phương pháp thực thi. Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong giám sát, phát hiện, điều tra và xử lý hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh. Đồng thời, từng bước xây dựng văn hóa cạnh tranh lành mạnh trong xã hội và cộng đồng doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tuân thủ, tăng cường nhận thức cộng đồng, nâng cao tính phòng ngừa và tự giác chấp hành pháp luật về cạnh tranh.

- Việc triển khai Đề án phải gắn với thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; bảo đảm công khai, minh bạch, phòng ngừa lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong hoạt động thực thi pháp luật và quản lý nhà nước về cạnh tranh.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cạnh tranh nhằm tạo lập, duy trì và bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng, minh bạch, lành mạnh; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, tăng cường khả năng tiếp cận thị trường, nâng cao hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, phù hợp với chủ trương, đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới.

b) Mục tiêu cụ thể

Về hoàn thiện thể chế và chính sách cạnh tranh

- Hoàn thiện đồng bộ khung pháp lý về cạnh tranh, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, bảo đảm tính minh bạch, khả thi, thống nhất và tiệm cận với thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xóa bỏ, tháo gỡ các rào cản thị trường không cần thiết, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phù hợp với quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Tham gia xây dựng, rà soát, đảm bảo các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, các văn bản hợp tác với cơ quan, tổ chức quốc tế về cạnh tranh phù hợp với quan điểm chỉ đạo, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

Về nâng cao năng lực thực thi pháp luật cạnh tranh

- Tăng dần số lượng và chất lượng các vụ việc cạnh tranh được phát hiện, điều tra, xử lý hàng năm, bảo đảm tính rắn đẽ, ngăn chặn và phòng ngừa hành vi vi phạm.

- Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ của đội ngũ điều tra viên vụ việc cạnh tranh, công chức công tác trong lĩnh vực cạnh tranh nhằm tăng cường khả năng chủ động phát hiện, điều tra và xử lý kịp thời, hiệu quả các vụ việc cạnh tranh; ngăn ngừa, đấu tranh chống hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh hoặc gây cản trở cạnh tranh trên thị trường.

- Cải tiến, nâng cấp cơ sở vật chất hạ tầng, trang thiết bị, xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về cạnh tranh, tích cực ứng dụng công nghệ hiện đại phục vụ công tác giám sát cạnh tranh, phát hiện và cảnh báo sớm các hành vi vi phạm, điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh kịp thời, hiệu quả, quản lý hồ sơ, dữ liệu các vụ việc cạnh tranh.

- Tăng cường xây dựng và duy trì cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước trong công tác thực thi chính sách và pháp luật cạnh tranh, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực cạnh tranh nhằm trao đổi kinh nghiệm, đào tạo công chức công tác trong lĩnh vực cạnh tranh và nâng cao năng lực phối hợp trong điều tra, xử lý các vụ việc cạnh tranh, đặc biệt là các vụ việc cạnh tranh xuyên biên giới.

Về nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan, doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và người tiêu dùng về pháp luật cạnh tranh

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cạnh tranh nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội ngành nghề và cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam về cạnh tranh công bằng, bình đẳng, minh bạch, lành mạnh.

- Khuyến khích sự chủ động hợp tác của cộng đồng doanh nghiệp và người tiêu dùng trong việc phát hiện, thông báo các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh thông qua hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng các kênh tiếp nhận thông tin, phản ánh về hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.

c) Các chỉ tiêu phấn đấu đạt được trong giai đoạn 2026 - 2030

- Tối thiểu 03 văn bản quy phạm pháp luật về cạnh tranh được rà soát nhằm sửa đổi, bổ sung;

- 100% văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành có quy định liên quan đến cạnh tranh và được gửi lấy ý kiến của Bộ Công Thương trong quá trình soạn thảo được rà soát, tích cực đóng góp ý kiến xây dựng và hoàn thiện;

- 100% cam kết có nội dung về cạnh tranh trong các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam tham gia đàm phán, ký kết có sự tham gia xây dựng, đóng góp ý kiến của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Bộ Công Thương;

- Tối thiểu 80-100 vụ việc cạnh tranh được phát hiện, điều tra và xử lý trong giai đoạn 2025–2030, trung bình 16–20 vụ/năm, trong đó có ít nhất 25% vụ việc cạnh tranh được khởi xướng điều tra trên cơ sở kết quả của việc chủ động giám sát thị trường;

- 100% đơn, thư có nội dung phản ánh, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh được tiếp nhận, xử lý đúng hạn theo quy định của pháp luật;

- Trên 80% điều tra viên vụ việc cạnh tranh, công chức công tác trong lĩnh vực cạnh tranh được đào tạo, tập huấn chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ mỗi năm, bao gồm cả kỹ năng về phân tích kinh tế cạnh tranh hoặc sử dụng các phần mềm thu thập, phân tích dữ liệu cạnh tranh; quản lý, xử lý hồ sơ vụ việc cạnh tranh;

- Xây dựng, hoàn thiện 01 cơ sở dữ liệu về cạnh tranh, đảm bảo cập nhật thường xuyên;

- Tối thiểu 10.000 lượt người (cơ quan, doanh nghiệp, hiệp hội, người tiêu dùng) được tiếp cận tài liệu về cạnh tranh qua sự kiện trực tiếp hoặc qua phương thức điện tử;

- Tối thiểu 500 sản phẩm, bao gồm video clip, infographic, tin tức, bài viết chuyên đề, ấn phẩm in ấn, điện tử có nội dung tuyên truyền về pháp luật, chính sách cạnh tranh, kết quả thực thi pháp luật cạnh tranh được phát hành;

- Trên 70% doanh nghiệp lớn được khảo sát có hiểu biết cơ bản đúng về pháp luật cạnh tranh vào năm 2030.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

3.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách cạnh tranh

a) Rà soát, hoàn thiện khung pháp lý về cạnh tranh đảm bảo phù hợp với quan điểm chỉ đạo, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước

- Nghiên cứu, rà soát, xây dựng và hoàn thiện Luật Cạnh tranh, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Cạnh tranh trên cơ sở phù hợp với thực tiễn thực thi pháp luật tại Việt Nam, điều kiện kinh tế - xã hội từng thời kỳ; phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết về cạnh tranh trong các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các mẫu văn bản áp dụng trong quá trình tổ tụng cạnh tranh, thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý cạnh tranh.

- Nghiên cứu, rà soát, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có quy định liên quan đến cạnh tranh, rà soát các văn bản hành chính cá biệt, văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước để đề xuất, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền theo hướng: (i) sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế các quy định liên quan có nội dung mâu thuẫn, xung đột với chính sách, pháp luật về cạnh tranh hoặc văn bản hành chính cá biệt có nội dung trái với quy định của Luật Cạnh tranh; (ii) xóa bỏ, tháo gỡ các rào cản gia nhập, mở rộng thị trường không cần thiết, gây cản trở, hạn chế cạnh tranh trong ngành, lĩnh vực cụ thể; (iii) thúc đẩy cạnh tranh trong ngành, lĩnh vực kinh tế cụ thể, hiện thực hóa chỉ đạo, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cạnh tranh.

- Nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện các quy định về cạnh tranh áp dụng đối với các lĩnh vực đặc thù liên quan đến đổi mới sáng tạo, công nghệ số.

b) Tham gia xây dựng, đàm phán, thực hiện nội dung cam kết về cạnh tranh trong các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên

- Tích cực tham gia xây dựng, đề xuất phương án đàm phán, ký kết, thực hiện nội dung cam kết về cạnh tranh trong các hiệp định thương mại tự do và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam đang tham gia đàm phán, ký kết hoặc là thành viên trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quan điểm chỉ đạo, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Nghiên cứu, xây dựng, rà soát nội dung các văn bản hợp tác với cơ quan, tổ chức quốc tế trong lĩnh vực cạnh tranh đảm bảo phù hợp với quan điểm chỉ đạo, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

3.2. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật cạnh tranh

a) Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ của đội ngũ điều tra viên vụ việc cạnh tranh, công chức công tác trong lĩnh vực cạnh tranh

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ liên quan đến lĩnh vực cạnh tranh, trong đó tập trung, ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ có định hướng nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả công tác thực thi pháp luật cạnh tranh.

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu theo lộ trình (đào tạo cơ bản bắt buộc; đào tạo chuyên sâu theo lĩnh vực; đào tạo kỹ năng điều tra vụ việc cạnh tranh, kỹ năng thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh và các kỹ năng có liên quan khác...) cho điều tra viên vụ việc cạnh tranh, công chức công tác trong lĩnh vực cạnh tranh gắn với yêu cầu thực tiễn và chuyển đổi số.

- Xây dựng, biên soạn, thiết kế, in ấn giáo trình, tài liệu hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ điều tra vụ việc cạnh tranh, thực hiện thủ

tục hành chính, thực thi công vụ khác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về cạnh tranh.

- Tổ chức các chương trình trao đổi chuyên gia hoặc đào tạo ngắn hạn về pháp luật, kinh tế, thương mại, công nghệ thông tin hoặc những kiến thức, kỹ năng khác liên quan đến hoạt động, phương thức mới trong kinh doanh, cạnh tranh cho thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, điều tra viên vụ việc cạnh tranh; cán bộ, công chức công tác trong lĩnh vực cạnh tranh; cử cán bộ, công chức đi công tác, học tập kinh nghiệm tại các cơ quan cạnh tranh nước ngoài, cơ quan quản lý chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong và ngoài nước.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, diễn đàn quốc tế về cạnh tranh tại Việt Nam để điều tra viên vụ việc cạnh tranh, cán bộ, công chức công tác trong lĩnh vực cạnh tranh học tập kinh nghiệm thực thi pháp luật cạnh tranh của nước ngoài;

- Tham gia Mạng lưới cạnh tranh quốc tế (ICN), khuyến khích cán bộ, công chức tham gia các hội thảo quốc tế với tư cách diễn giả, học giả.

b) Tăng cường công tác phát hiện, ngăn ngừa, đấu tranh chống hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh hoặc gây cản trở cạnh tranh trên thị trường

- Tăng cường hoạt động kiểm tra trong lĩnh vực cạnh tranh hoặc phối hợp tổ chức kiểm tra liên ngành; chủ động theo dõi, nắm bắt thông tin từ các phương tiện truyền thông; tiếp nhận, đánh giá phản ánh, khiếu nại của tổ chức, cá nhân; thu thập, xác minh thông tin nhằm kịp thời phát hiện, điều tra và xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh.

- Tổ chức nghiên cứu, khảo sát thị trường, đặc biệt là các thị trường hàng hóa, dịch vụ đặc thù hoặc có mô hình, phương thức kinh doanh mới để hiểu biết về thực trạng cạnh tranh trên thị trường, đánh giá các vấn đề quan ngại về cạnh tranh, đề xuất, kiến nghị điều chỉnh chính sách hoặc kịp thời cảnh báo, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.

- Tổ chức nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, các án lệ về cạnh tranh của nước ngoài trong một số ngành, lĩnh vực đặc thù hoặc mới nổi giúp phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc cạnh tranh có tính chất tương tự tại Việt Nam.

c) Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về cạnh tranh, phát triển hạ tầng, thiết bị đảm bảo an ninh an toàn thông tin phục vụ công tác thực thi pháp luật cạnh tranh

- Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về cạnh tranh (lưu trữ, quản lý hồ sơ, dữ liệu các vụ việc cạnh tranh đã hoặc đang được điều tra, xử lý; thông tin, dữ liệu về quy mô, cấu trúc các thị trường hàng hóa, dịch vụ đặc thù; quy mô, doanh thu, sản lượng, tài sản, nguồn lực, công nghệ và các hoạt động tập trung kinh tế của doanh nghiệp lớn trên thị trường, sản lượng, giá cả một số loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, quan trọng...) có khả năng kết nối, tự động tích hợp cơ sở dữ liệu liên quan của các đơn vị, lực lượng chức năng thuộc các bộ, ngành, địa

phương, doanh nghiệp vào hệ thống, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo mật thông tin, bí mật Nhà nước và bí mật kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

- Thu thập thông tin, dữ liệu về cạnh tranh để cập nhật thường xuyên trên hệ thống cơ sở dữ liệu về cạnh tranh của Bộ Công Thương trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo mật thông tin, bí mật Nhà nước và bí mật kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

- Xây dựng và áp dụng quy trình nội bộ, cơ chế thu thập thông tin, dữ liệu; phân loại mức độ mật; quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về cạnh tranh; khai thác, sử dụng dữ liệu theo đúng thẩm quyền, đúng mục đích, phục vụ công tác thực thi pháp luật cạnh tranh, không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết để đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng, cải tiến, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, máy móc hiện đại phục vụ triển khai công tác thực thi pháp luật cạnh tranh kịp thời, hiệu quả, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

- Trang bị và ứng dụng công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big data), học máy (machine learning), hệ thống quản lý hồ sơ điện tử... phục vụ công tác thực thi pháp luật cạnh tranh.

d) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước trong công tác thực thi chính sách và pháp luật cạnh tranh

- Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện cơ chế hợp tác, phối hợp giữa Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia với các cơ quan có thẩm quyền trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong quá trình điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh.

- Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện cơ chế hợp tác, phối hợp giữa Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia với cơ quan công an điều tra có thẩm quyền trong điều tra, xử lý hình sự đối với tội vi phạm quy định về cạnh tranh.

- Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện cơ chế hợp tác, phối hợp giữa Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia với các đơn vị, lực lượng chức năng thuộc các bộ, ngành, địa phương trong quá trình điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh, thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh và hoàn thiện chính sách, pháp luật về cạnh tranh.

- Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp, tham vấn, chia sẻ thông tin giữa Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia với cơ quan cạnh tranh của các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới trong điều tra, xử lý các vụ việc cạnh tranh xuyên biên giới, đặc biệt là các vụ việc cạnh tranh trong lĩnh vực mới phát triển như thương mại điện tử, kinh tế số, năng lượng tái tạo, logistics...

3.3. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan, doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và người tiêu dùng về pháp luật cạnh tranh

a) Tăng cường truyền thông về quá trình, kết quả công tác thực thi chính sách, pháp luật cạnh tranh

- Thực hiện sơ kết, tổng kết định kỳ, xây dựng và phát hành các ấn phẩm, báo cáo về kết quả công tác thực thi chính sách, pháp luật về cạnh tranh, đăng tải công khai trên trang tin điện tử chính thức của Bộ Công Thương, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

- Thường xuyên xây dựng và đăng tải các tin, bài cảnh báo, khuyến cáo doanh nghiệp, người tiêu dùng về những hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc gây quan ngại về cạnh tranh; cập nhật tin tức về cạnh tranh trong và ngoài nước; xây dựng và đăng tải thông cáo báo chí, thông tin liên quan đến các vụ việc cạnh tranh đã được điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật; công bố công khai kết quả điều tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực cạnh tranh.

b) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cạnh tranh, tham gia đấu tranh, chống hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh

- Phát động “Ngày Cạnh tranh” hoặc “Tuần lễ Cạnh tranh” tại Việt Nam nhằm thu hút sự chú ý, quan tâm của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có liên quan và cộng đồng xã hội về chủ trương, chính sách, pháp luật cạnh tranh.

- Nghiên cứu, xây dựng, phát hành tài liệu, ấn phẩm, vật phẩm, sản phẩm điện tử (video clip, đoạn phim ngắn, phóng sự, tọa đàm trực tuyến...); xây dựng chuyên trang hoặc chuyên mục trên báo điện tử, kênh nội dung trên các nền tảng số, mạng xã hội để tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước về cạnh tranh phù hợp với các đối tượng, chủ thể khác nhau chịu sự điều chỉnh, tác động của pháp luật cạnh tranh, cam kết về cạnh tranh trong các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, đào tạo, tọa đàm, diễn đàn, cuộc thi, các sự kiện truyền thông để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về cạnh tranh cho các đối tượng, chủ thể chịu sự điều chỉnh, tác động của pháp luật cạnh tranh, trong đó, đặc biệt chú trọng đào tạo, hướng dẫn kỹ năng xây dựng và thực hiện chương trình tuân thủ pháp luật cạnh tranh tại doanh nghiệp.

- Thiết lập các kênh tiếp nhận phản ánh, tham vấn của doanh nghiệp; phối hợp với cơ quan báo chí, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp tổ chức tập huấn, diễn đàn đối thoại chính sách, tuyên truyền về các kênh tiếp nhận phản ánh, ý kiến tham vấn của doanh nghiệp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao nhận thức, kỹ năng tuân thủ pháp luật về cạnh tranh.

4. Kinh phí thực hiện đề án

Kinh phí triển khai thực hiện Đề án này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án, các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án và tổng hợp chung vào dự toán của bộ, ngành trung ương và địa phương mình để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành và có thể huy động nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Việc sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia

Là đơn vị chủ trì thực hiện Đề án, có các trách nhiệm như sau:

a) Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện và điều phối việc toàn bộ Đề án, đồng thời, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, các nội dung chuyên sâu về hoàn thiện thể chế, chính sách cạnh tranh; nâng cao năng lực thực thi pháp luật cạnh tranh.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Công Thương xây dựng kế hoạch ngân sách và huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định này đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ, theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, định kỳ hằng năm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Đề án, báo cáo Lãnh đạo Bộ. Trường hợp cần thiết, báo cáo Bộ trưởng quyết định sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan trong Đề án nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

2. Các đơn vị thuộc Bộ

a) Căn cứ nhiệm vụ và yêu cầu công tác đề ra trong Quyết định này, chủ động đề xuất, lồng ghép các nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình vào trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác hằng năm của đơn vị mình để đảm bảo đồng bộ, hiệu quả nguồn lực.

b) Phối hợp chia sẻ thông tin, dữ liệu liên quan đến các thị trường hàng hóa, dịch vụ do đơn vị mình quản lý cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia để tổ chức nghiên cứu, khảo sát thị trường, đặc biệt là các thị trường hàng hóa, dịch vụ đặc thù hoặc có mô hình, phương thức kinh doanh mới để hiểu biết về thực trạng cạnh tranh trên thị trường, đánh giá các vấn đề quan ngại về cạnh tranh, đề xuất, kiến nghị điều chỉnh chính sách hoặc kịp thời cảnh báo, ngăn chặn, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.

c) Phối hợp với Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia xây dựng, đề xuất phương án đàm phán, ký kết, thực hiện nội dung cam kết về cạnh tranh trong các hiệp định thương mại tự do và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam đang tham gia đàm phán, ký kết hoặc là thành viên.

d) Phối hợp với Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trong công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các nhiệm vụ khoa học, công nghệ liên quan đến lĩnh vực cạnh tranh.

e) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, phối hợp gửi báo cáo định kỳ hoặc đột xuất đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Đề án cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

3. Vụ Pháp chế

Phối hợp với Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về cạnh tranh đảm bảo phù hợp với quan điểm chỉ đạo, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

b) Nghiên cứu, rà soát, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có quy định liên quan đến cạnh tranh, rà soát các văn bản hành chính cá biệt, văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước để đề xuất, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền theo hướng: (i) sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế các quy định liên quan có nội dung mâu thuẫn, xung đột với chính sách, pháp luật về cạnh tranh hoặc văn bản hành chính cá biệt có nội dung trái với quy định của Luật Cạnh tranh; (ii) xóa bỏ, tháo gỡ các rào cản gia nhập, mở rộng thị trường không cần thiết, gây cản trở, hạn chế cạnh tranh trong ngành, lĩnh vực cụ thể; (iii) thúc đẩy cạnh tranh trong ngành, lĩnh vực kinh tế cụ thể, hiện thực hóa chỉ đạo, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cạnh tranh.

c) Xây dựng, rà soát nội dung các văn bản hợp tác với cơ quan, tổ chức quốc tế trong lĩnh vực cạnh tranh.

d) Kiểm tra, xử lý và kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính của các cơ quan nhà nước có nội dung gây cản trở cạnh tranh trên thị trường, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Cạnh tranh.

4. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

Chủ trì hoặc phối hợp với Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện các quy định về cạnh tranh áp dụng đối với các lĩnh vực đặc thù liên quan đến công nghệ số.

b) Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về cạnh tranh (lưu trữ, quản lý hồ sơ, dữ liệu các vụ việc cạnh tranh đã hoặc đang được điều tra, xử lý; thông tin, dữ liệu về quy mô, cấu trúc các thị trường hàng hóa, dịch vụ đặc thù; quy mô, doanh thu, sản lượng, tài sản, nguồn lực, công nghệ và các hoạt động tập trung kinh tế của doanh nghiệp lớn trên thị trường, sản lượng, giá cả một số loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, quan trọng...) có khả năng kết nối, tự động tích hợp cơ sở dữ liệu liên quan của các đơn vị, lực lượng chức năng thuộc các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp vào hệ thống, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo mật thông tin, bí mật Nhà nước và bí mật kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

c) Xây dựng cơ chế thu thập thông tin, dữ liệu; phân loại mức độ mật; quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về cạnh tranh; khai thác, sử dụng dữ liệu về

cạnh tranh; áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết để đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật.

d) Hỗ trợ Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big data), học máy (machine learning), hệ thống quản lý hồ sơ điện tử... trong quá trình điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh, thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý cạnh tranh.

đ) Tổ chức đào tạo kiến thức, kỹ năng liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi pháp luật cạnh tranh cho điều tra viên vụ việc cạnh tranh, công chức công tác trong lĩnh vực cạnh tranh.

e) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật cạnh tranh cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử và kinh tế số.

5. Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước

Chủ trì hoặc phối hợp với Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách đối với các lĩnh vực thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm logistics và hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hoá (giao dịch hàng hoá phái sinh); đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định tạo rào cản gia nhập, mở rộng thị trường không cần thiết, gây cản trở, hạn chế cạnh tranh; kiến nghị hoàn thiện chính sách thúc đẩy cạnh tranh công bằng, bình đẳng, lành mạnh.

b) Chia sẻ thông tin, dữ liệu về cấu trúc thị trường, thị phần, mức độ tập trung, giá cả, mạng lưới phân phối trên một số thị trường hàng hóa, dịch vụ kinh doanh trong nước thuộc phạm vi quản lý của Cục cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia để phục vụ nghiên cứu, khảo sát thị trường, đánh giá các vấn đề quan ngại về cạnh tranh, đề xuất, kiến nghị điều chỉnh chính sách hoặc cảnh báo, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh; phối hợp tích hợp thông tin vào cơ sở dữ liệu cạnh tranh của Bộ theo phân công.

c) Chủ trì, phối hợp tổ chức khảo sát, nghiên cứu chuyên đề về tình hình cạnh tranh, tập trung kinh tế và hành vi hạn chế cạnh tranh trên một số thị trường hàng hóa, dịch vụ trọng điểm trong nước, bao gồm: thị trường kinh doanh xăng dầu, khí LPG, rượu, thuốc lá; dịch vụ phân phối bán lẻ hiện đại, chợ đầu mối; hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hoá (giao dịch hàng hoá phái sinh); trên cơ sở đó đề xuất, kiến nghị hoàn thiện chính sách, mô hình quản lý, kịp thời cảnh báo rủi ro và hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật cạnh tranh.

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật cạnh tranh và hướng dẫn xây dựng chương trình tuân thủ pháp luật cạnh tranh cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh, hiệp hội ngành hàng trong các lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ do Cục quản lý; lồng ghép nội dung cạnh tranh vào Chương trình phát triển thị trường trong nước, Chương trình phát triển chợ, hạ tầng thương mại, logistics và Cuộc

vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm tuân thủ pháp luật cạnh tranh của doanh nghiệp và người tiêu dùng trên thị trường nội địa.

6. Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp

Bố trí kinh phí hàng năm để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

7. Văn phòng Bộ

Phối hợp với Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, các đơn vị truyền thông thuộc Bộ, các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi về Ngày Cạnh tranh Việt Nam hoặc Tuần lễ cạnh tranh tại Việt Nam; các tin, bài cảnh báo, khuyến cáo doanh nghiệp, người tiêu dùng về những hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc gây quan ngại về cạnh tranh; cập nhật tin tức về cạnh tranh trong và ngoài nước; thông cáo báo chí, thông tin liên quan đến các vụ việc cạnh tranh đã được điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật; công bố công khai kết quả điều tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực cạnh tranh.

8. Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương

Chủ trì hoặc phối hợp với Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức các hoạt động truyền thông về quá trình, kết quả công tác thực thi chính sách, pháp luật cạnh tranh, đăng tải các tin, bài cảnh báo, khuyến cáo doanh nghiệp, người tiêu dùng về những hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về cạnh tranh; cập nhật tin tức về cạnh tranh trong và ngoài nước; xây dựng và đăng tải thông cáo báo chí, thông tin liên quan đến các vụ việc cạnh tranh đã được điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật; kết quả điều tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực cạnh tranh.

b) Phát động “Ngày Cạnh tranh” hoặc “Tuần lễ Cạnh tranh” tại Việt Nam nhằm thu hút sự chú ý, quan tâm của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có liên quan và cộng đồng xã hội về chủ trương, chính sách, pháp luật cạnh tranh.

c) Nghiên cứu, xây dựng, phát hành tài liệu, ấn phẩm, vật phẩm, sản phẩm điện tử (video clip, đoạn phim ngắn, phóng sự, tọa đàm trực tuyến...) tuyên truyền, phổ biến cam kết về cạnh tranh trong các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; chính sách, pháp luật của Nhà nước về cạnh tranh phù hợp với các đối tượng, chủ thể khác nhau chịu sự điều chỉnh, tác động của pháp luật cạnh tranh.

d) Tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, đào tạo, tọa đàm, diễn đàn để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về cạnh tranh cho các đối tượng, chủ thể chịu sự điều chỉnh, tác động của pháp luật cạnh tranh, trong đó, đặc biệt chú trọng đào tạo, hướng dẫn kỹ năng xây dựng và thực hiện chương trình tuân thủ pháp luật cạnh tranh tại doanh nghiệp.

đ) Thiết lập các kênh tiếp nhận phản ánh, tham vấn của doanh nghiệp; phối hợp với cơ quan báo chí, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp tổ chức tập huấn, diễn

đàn đối thoại chính sách, tuyên truyền về các kênh tiếp nhận phản ánh, ý kiến tham vấn của doanh nghiệp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao nhận thức, kỹ năng tuân thủ pháp luật về cạnh tranh.

9. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan

a) Chủ động rà soát, đảm bảo chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật về cạnh tranh, không thực hiện hành vi gây cản trở cạnh tranh trên thị trường hoặc các hành vi bị nghiêm cấm khác có liên quan đến cạnh tranh theo quy định tại Điều 8 Luật Cạnh tranh.

b) Phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh, trong đó bao gồm việc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp của Đề án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Cạnh tranh.

10. Sở Công Thương các địa phương

a) Chủ động rà soát, đảm bảo chấp hành nghiêm việc thực hiện các chính sách, quy định pháp luật về cạnh tranh, không thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm có liên quan đến cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Cạnh tranh.

b) Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Bộ Công Thương trong công tác đấu tranh, chống các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh diễn ra trên địa bàn do mình quản lý, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để kiên quyết xử lý nghiêm đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân tại địa phương có hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh.

c) Chủ động tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về cạnh tranh cho cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội ngành nghề, doanh nghiệp tại địa phương mình để tăng cường nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật về cạnh tranh, không thực hiện các hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh, các hành vi bị nghiêm cấm có liên quan đến cạnh tranh; truyền thông về kết quả thực thi pháp luật cạnh tranh; đưa thông tin cảnh báo, khuyến cáo doanh nghiệp, người tiêu dùng tại địa phương mình về những hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc gây quan ngại về cạnh tranh dưới nhiều hình thức đa dạng (xây dựng, phát hành tài liệu, ấn phẩm; tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, tập huấn; xây dựng, đăng tải tin, bài, ấn phẩm hoặc các hình thức phù hợp khác) trong phạm vi nguồn kinh phí được cấp, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

d) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Bộ Công Thương xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Đề án, chủ động lập dự toán, bố trí kinh phí hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí để triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đề án tại địa phương phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

e) Phối hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

11. Các hiệp hội ngành, nghề hoạt động tại Việt Nam

a) Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật cạnh tranh, đặc biệt, không cung cấp thông tin, vận động, kêu gọi, ép buộc hoặc tổ chức để doanh

nghiệp thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh.

b) Phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu do mình quản lý, nắm giữ, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trong quá trình điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh, thẩm định hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, thẩm định hồ sơ thông báo tập trung kinh tế, giám sát, quản lý nhà nước về cạnh tranh.

c) Phối hợp tham gia, khuyến khích các doanh nghiệp hội viên tham gia các chương trình hội nghị, hội thảo tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về cạnh tranh, chương trình tập huấn, hướng dẫn tuân thủ pháp luật cạnh tranh do Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và Sở Công Thương các địa phương tổ chức; chủ động hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật cạnh tranh, tổ chức tập huấn, hướng dẫn tuân thủ pháp luật cạnh tranh cho các doanh nghiệp hội viên trên cơ sở phù hợp với nhu cầu, khả năng và nguồn lực của mình.

d) Chủ động xây dựng kế hoạch, huy động nguồn lực xã hội hóa để triển khai thực hiện Đề án trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trên cơ sở phù hợp với nhu cầu, khả năng và nguồn lực của mình, phối hợp báo cáo kết quả thực hiện Đề án cho Bộ Công Thương.

12. Các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh tại Việt Nam

Chủ động nắm bắt, tìm hiểu các quy định của pháp luật về cạnh tranh; nghiêm túc chấp hành các quy định của Luật Cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn thi hành; chủ động xây dựng và thực hiện chương trình tuân thủ pháp luật cạnh tranh phù hợp với quy mô, lĩnh vực hoạt động; kịp thời rà soát, điều chỉnh chính sách, hành vi kinh doanh nhằm phòng ngừa rủi ro pháp lý và nâng cao năng lực cạnh tranh; phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trong quá trình tiến hành tố tụng cạnh tranh, kiểm soát tập trung kinh tế, xem xét hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về cạnh tranh, rà soát, giám sát cạnh tranh trên thị trường; khiếu nại, khai báo, cung cấp thông tin cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật cạnh tranh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh quốc gia và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Quyền Bộ trưởng;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Công Thương các địa phương;
- Lưu: VT, UBCTQG (4).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân